TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/DS-ST
Ngày: 12 - 5 - 2025
V/v tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khoa

2. Ông Lê Khắc Hiệp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 465/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/QĐST – DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Duy Q, sinh năm 1997; ĐKTT: Thôn P, xã N, huyện N, tỉnh K; địa chỉ liên hệ: 74/2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1983 và bà Lê Thị T, sinh năm 1952; cùng địa chỉ: 220/4 ấp AĐ, xã AĐ, huyện T, tỉnh B (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Duy Q – chị Lê Thị Thùy T trình bày:

Anh Trần Duy Q là chủ hộ kinh doanh của Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thuỷ sản M (gọi tắt là M) theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 06/6/2018 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 06/7/2022. Đồng thời anh Q là người nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động

kinh doanh của Hộ kinh doanh cửa hàng thuốc Thú Y Thủy sản M từ chủ hộ kinh doanh trước đó là ông Huỳnh Tấn S (theo Văn bản thỏa thuận đề ngày 15/6/2022).

Theo đó ngày 23/01/2020 M và ông Võ Minh T, bà Lê Thị T đã có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông T, bà T và đến cuối vụ ông T, bà T phải thanh toán dứt điểm công nợ cho M. Trong quá trình giao dịch, ông T, bà T không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho M. Theo Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 06/6/2024 ông T, bà T còn nợ M số tiền là 42.209.000 đồng. Vậy tổng cộng nợ bà Lê Thị T và ông Võ Minh T còn nợ M số tiền là 77.775.000 đồng. M đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông T, bà T thanh toán nhưng ông T, bà T hứa hẹn không chịu thanh toán công nợ.

Bà T, ông T là mẹ, con, sống cùng hộ gia đình và cùng thỏa thuận xác lập giao dịch mua thức ăn nuôi tôm, thuốc và vật tư thủy sản để nuôi tôm công nghiệp nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của hộ gia đình nên ông T, bà T phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho M.

Nay anh Q – chủ hộ kinh doanh của Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thuỷ sản M yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Q tổng số tiền cò nợ là 77.775.000 đồng. Đồng thời như thỏa thuận ghi trong Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 06/6/2024 có nội dung sau "*Nếu việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán kéo dài quá 30 ngày kể từ ngày ký biên bản đối chiếu công nợ thì ông, bà phải chịu thêm lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật*", vì vậy anh Q yêu cầu tính tiền lãi chậm trả kể từ ngày 07/7/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Anh Q cũng xin tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi 3.228.000 đồng theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 28/06/2024.

** Bị đơn ông T và bà T cùng vắng mặt nên không có lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Duy Q yêu cầu bị đơn ông Võ

Minh T và bà Lê Thị T trả tiền mua thuốc thủy sản, thức ăn nuôi tôm (gọi tắt là thức ăn nuôi tôm) nên xác định đây là "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Võ Minh T, bà Lê Thị T có nơi cư trú tại xã AĐ, huyện T, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị Lê Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Minh T, bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn anh Trần Duy Q yêu cầu bị đơn ông Võ Minh T, bà Lê Thị T trả số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 77.775.000 đồng và tiền chậm trả kể từ ngày 07/7/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, với mức lãi suất 0.83%/tháng.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền: Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình khởi kiện nguyên đơn có cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 bản chính Hợp đồng mua bán ngày 23/01/2020; 01 bản chính Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 06/6/2024 làm căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và xác định số tiền bị đơn ông T và bà T còn nợ đối với anh Q là 77.775.000 đồng. Bà T, ông T là mẹ, con, sống cùng hộ gia đình và cùng thỏa thuận xác lập giao dịch mua thức ăn nuôi tôm, thuốc và vật tư thủy sản để nuôi tôm công nghiệp nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của hộ gia đình nên ông T, bà T phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh Trần Duy Q – chủ hộ kinh doanh của Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thuỷ sản M.

Từ những căn cứ trên nên có đủ cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Đối với các bị đơn ông T, bà T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử

nhưng các bị đơn ông T, bà T vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa.

Xét nội dung "*Nếu việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán kéo dài quá 30 ngày kể từ ngày ký biên bản đối chiếu công nợ thì ông/bà phải chịu thêm lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật*" được thể hiện tại Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 06/6/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn là căn cứ xét yêu cầu tính tiền lãi chậm trả của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 440, Điều 357 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 77.775.000 đồng x 0.83%/tháng x 10 tháng 05 ngày (từ ngày 07/7/2024 đến 12/5/2025) = 6.562.913 đồng.

Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 288, 430, 440 Bộ luật Dân sự nên cần buộc bị đơn ông Võ Minh T và bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Duy Q số tiền nợ gốc 77.775.000 đồng và 6.562.913 đồng tiền lãi là phù hợp.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bà Lê Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với việc nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đới với số tiền lãi 3.228.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện nên cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244; các Điều 217, 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Duy Q đối với bị đơn ông Võ Văn T và bà Lê Thị T về số tiền lãi 3.228.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Duy Q đối với các bị đơn ông Võ Văn T và bà Lê Thị T. Buộc ông Võ Minh T và bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Duy Q số tiền là 84.337.913 đồng, gồm: nợ gốc 77.775.000 đồng và 6.562.913 đồng tiền lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Võ Minh T có nghĩa vụ chịu 2.108.447 đồng.

Bà Lê Thị T được miễn nộp toàn bộ.

Anh Trần Duy Q được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.025.000 đồng theo biên lai thu số 0003641 ngày 15/10/2024.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khoa – Lê Khắc Hiệp **Phan Cẩm Nhung**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung